

Số 14478 /BTC-NSNN  
V/v báo cáo kết quả triển khai  
thực hiện Nghị quyết số 39-  
NQ/TW, 18-NQ/TW, 19-NQ/TW  
của Ban chấp hành Trung ương

*Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2019*

Kính gửi: Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW<sup>1</sup>, Nghị quyết số 19-NQ/TW<sup>2</sup> và Nghị quyết số 39-NQ/TW<sup>3</sup> của Ban chấp hành Trung ương, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

I. Tại Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL); theo đó, Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện:

(1) Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN) thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

(2) Ban hành quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý.

(3) Ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công; tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; hiệu quả hoạt động của đơn vị SNCL, thuộc phạm vi quản lý của địa phương

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã có văn bản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: (1) Văn bản số 16723/BTC-HCSN ngày 11/11/2015 về báo cáo tiến độ thực hiện, khó khăn, vướng mắc khi triển khai Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, Quyết định số 695/2015/QĐ-TTg; (2) Văn bản số 1931/BTC-

<sup>1</sup> Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống Chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

<sup>2</sup> Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

<sup>3</sup> Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

HCSN ngày 03/02/2016 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện nhiệm vụ được giao theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP, Quyết định số 695/2015/QĐ-TTg; giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị SNCL năm 2016.

II. Về quy định thực hiện cơ chế tự chủ của cơ quan nhà nước, đơn vị SNCL hiện hành:

(1) Đối với khối hành chính, cơ quan nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước (được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013) và Thông tư số 03/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 17/01/2006 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP (được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014).

(2) Đối với khối đơn vị SNCL:

- Đối với đơn vị SNCL trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác:

Thực hiện theo Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị SNCL trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập và Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 141/2016/NĐ-CP, Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 54/2016/NĐ-CP.

- Đối với đơn vị SNCL trong các lĩnh vực còn lại (giáo dục – đào tạo, y tế, giáo dục nghề nghiệp, văn hóa, thể thao và du lịch, thông tin, truyền thông và báo chí):

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị SNCL, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị SNCL và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 113/2007/TT-BTC ngày 24/9/2007).

III. Từ tình hình trên, Bộ Tài chính đề nghị Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo về kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, Nghị quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương như sau:

1. Báo cáo tiến độ ban hành các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và kết quả thực hiện theo nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 21/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập đến thời điểm hiện nay; đồng thời nêu các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, kiến nghị, đề xuất (nếu có).

2. Báo cáo kết quả thực hiện các nghị quyết nêu trên của Ban chấp hành Trung ương năm 2016, 2017, 2018, đánh giá thực hiện năm 2019 và dự kiến năm 2020:

(1) Báo cáo về kết quả NSNN bố trí thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ (chi tiết theo từng lĩnh vực) theo *Biểu số 01 đính kèm*.

(2) Báo cáo về kết quả giảm chi NSNN do thực hiện sắp xếp bộ máy, thay đổi cơ chế tự chủ và tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, 18-NQ/TW, 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương:

- Giảm chi NSNN do thực hiện sắp xếp bộ máy và tinh giản biên chế đối với khối hành chính nhà nước theo *Biểu số 2a đính kèm*.

- Giảm chi NSNN do thực hiện thay đổi cơ chế tự chủ và tinh giản biên chế đối với khối đơn vị SNCL theo *Biểu số 2b đính kèm*.

- Giảm chi NSNN do thực hiện sắp xếp bộ máy và tinh giản biên chế đối với khối đơn vị SNCL theo *Biểu số 2c đính kèm*.

(3a) Báo cáo về tình hình thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước theo *Biểu số 3a đính kèm*. Ngoài ra, đề nghị địa phương làm rõ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện đổi mới cơ chế tài chính, kiến nghị, giải pháp.

(3b) Báo cáo về tình hình thực hiện đổi mới cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập của từng năm: thực hiện 2016, 2017, 2018, ước thực hiện 2019, dự kiến 2020 theo *Biểu số 03b đính kèm*.

*\*Lưu ý:* Mỗi năm là một biểu mẫu, báo cáo tất cả các đơn vị SNCL thuộc địa phương quản lý (cấp tỉnh và cấp huyện).

Các lĩnh vực SNCL nêu tại Biểu số 01, Biểu số 2b, Biểu số 2c, Biểu số 3b theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương, gồm: (1) giáo dục - đào tạo; (2) giáo dục nghề nghiệp; (3) y tế; (4) khoa học và công nghệ; (5) văn hoá, thể dục, thể thao; (6) thông tin và truyền thông; (7) sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác; (8) việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương.

3. Đối với kết quả thực hiện các Nghị quyết nêu trên của Ban chấp hành Trung ương năm 2019: Đề nghị Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, ngoài chế độ báo cáo định kỳ hằng năm<sup>4</sup>, thực hiện báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, 18-NQ/TW, 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương theo các nội dung yêu cầu tại khoản 1, 2 Phần III công văn này gửi Bộ Tài chính trước ngày 31/3/2020 để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

4. Từ năm 2020, sẽ tiếp tục báo cáo theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Bộ Tài chính đề nghị Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khẩn trương tổ chức, triển khai xây dựng báo cáo gửi về Bộ Tài chính trước ngày 10/12/2019 để kịp tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Bộ Nội vụ (để phối hợp);
- Sở Nội vụ tỉnh, TP trực thuộc TW (để phối hợp);
- Vụ HCSN;
- Lưu: VT, NSNN (40.b).

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**KT. VỤ TRƯỞNG VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**  
**PHÓ VỤ TRƯỞNG**



**Đào Xuân Tuế**

<sup>4</sup> Quy định tại Thông tư số 03/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 17/01/2006, Thông tư số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ; Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017, Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 của Bộ Tài chính.

**BÁO CÁO VỀ NHU CẦU NSNN BỐ TRÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TÌNH GIẢN BIẾN CHẾ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2014/NĐ-CP VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 113/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ**

**Thực hiện năm 2016, 2017, 2018, đánh giá thực hiện năm 2019 và Dự toán 2020**

*(Kèm theo công văn số 14478/BTC-NSNN ngày 28/11/2019 của Bộ Tài chính)*

| STT | Năm                         | Tổng số<br>(1+2)                |                 |                    | 1. Khối hành chính, Đảng,<br>đoàn thể, xã, phường |                                 |                 | Trong đó:          |               |                                 |                 |                    |               |                                 |                 |                    |               |                                 |                 |                    |               |                             |               | 2. Khối đơn vị sự nghiệp<br>công lập |               |                             |               | Chi tiết: (*)          |               |    |    |    |    |    |    |    |    |  |  |
|-----|-----------------------------|---------------------------------|-----------------|--------------------|---------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------|--------------------|---------------|---------------------------------|-----------------|--------------------|---------------|---------------------------------|-----------------|--------------------|---------------|---------------------------------|-----------------|--------------------|---------------|-----------------------------|---------------|--------------------------------------|---------------|-----------------------------|---------------|------------------------|---------------|----|----|----|----|----|----|----|----|--|--|
|     |                             |                                 |                 |                    |                                                   |                                 |                 |                    |               |                                 |                 |                    |               |                                 |                 |                    |               |                                 |                 |                    |               |                             |               |                                      |               |                             |               |                        |               |    |    |    |    |    |    |    |    |  |  |
|     |                             | Quản lý nhà nước                |                 |                    |                                                   | Khối Đảng                       |                 |                    |               | Đoàn thể                        |                 |                    |               | Khối xã, phường                 |                 |                    |               | Biên chế cấp có thẩm quyền giao | Biên chế có mặt | Biên chế tình giản | Kinh phí NSNN | Lĩnh vực giáo dục - Đào tạo |               | Lĩnh vực y tế                        |               | Lĩnh vực khoa học công nghệ |               | Lĩnh vực ...           |               |    |    |    |    |    |    |    |    |  |  |
|     |                             | Biên chế cấp có thẩm quyền giao | Biên chế có mặt | Biên chế tình giản | Kinh phí NSNN                                     | Biên chế cấp có thẩm quyền giao | Biên chế có mặt | Biên chế tình giản | Kinh phí NSNN | Biên chế cấp có thẩm quyền giao | Biên chế có mặt | Biên chế tình giản | Kinh phí NSNN | Biên chế cấp có thẩm quyền giao | Biên chế có mặt | Biên chế tình giản | Kinh phí NSNN |                                 |                 |                    |               | Số đối tượng tình giản      | Kinh phí NSNN | Số đối tượng tình giản               | Kinh phí NSNN | Số đối tượng tình giản      | Kinh phí NSNN | Số đối tượng tình giản | Kinh phí NSNN |    |    |    |    |    |    |    |    |  |  |
|     |                             |                                 |                 |                    |                                                   |                                 |                 |                    |               |                                 |                 |                    |               |                                 |                 |                    |               |                                 |                 |                    |               |                             |               |                                      |               |                             |               |                        |               |    |    |    |    |    |    |    |    |  |  |
| A   | B                           | 1                               | 2               | 3                  | 4                                                 | 5                               | 6               | 7                  | 8             | 9                               | 10              | 11                 | 12            | 13                              | 14              | 15                 | 16            | 17                              | 18              | 19                 | 20            | 21                          | 22            | 23                                   | 24            | 25                          | 26            | 27                     | 28            | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 |  |  |
| 1   | Thực hiện Năm 2016          |                                 |                 |                    |                                                   |                                 |                 |                    |               |                                 |                 |                    |               |                                 |                 |                    |               |                                 |                 |                    |               |                             |               |                                      |               |                             |               |                        |               |    |    |    |    |    |    |    |    |  |  |
| 2   | Thực hiện Năm 2017          |                                 |                 |                    |                                                   |                                 |                 |                    |               |                                 |                 |                    |               |                                 |                 |                    |               |                                 |                 |                    |               |                             |               |                                      |               |                             |               |                        |               |    |    |    |    |    |    |    |    |  |  |
| 3   | Thực hiện Năm 2018          |                                 |                 |                    |                                                   |                                 |                 |                    |               |                                 |                 |                    |               |                                 |                 |                    |               |                                 |                 |                    |               |                             |               |                                      |               |                             |               |                        |               |    |    |    |    |    |    |    |    |  |  |
| 4   | Đánh giá thực hiện Năm 2019 |                                 |                 |                    |                                                   |                                 |                 |                    |               |                                 |                 |                    |               |                                 |                 |                    |               |                                 |                 |                    |               |                             |               |                                      |               |                             |               |                        |               |    |    |    |    |    |    |    |    |  |  |
| 5   | Dự toán Năm 2020            |                                 |                 |                    |                                                   |                                 |                 |                    |               |                                 |                 |                    |               |                                 |                 |                    |               |                                 |                 |                    |               |                             |               |                                      |               |                             |               |                        |               |    |    |    |    |    |    |    |    |  |  |

Ghi chú: (\*) Các lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương, gồm: (1) giáo dục - đào tạo, (2) giáo dục nghề nghiệp; (3) y tế; (4) khoa học và công nghệ; (5) văn hóa, thể dục, thể thao; (6) thông tin và truyền thông; (7) sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác; (8) việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương

**Số liệu giám chi NSNN do thực hiện sắp xếp bộ máy và tinh giản biên chế khối hành chính nhà nước theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, 18-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương**

**Thực hiện năm 2016, 2017, 2018, ước thực hiện năm 2019, dự toán năm 2020**  
(Kèm theo công văn số 14478/BTC-NSNN ngày 28/11/2019 của Bộ Tài chính)

| S<br>T<br>T | NĂM                         | Tổng kinh phí<br>giảm | 1. Khối hành chính, Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể |                                                      |                                                     |                                                       | Kết quả sử dụng<br>phần NSNN giảm<br>chi | Gồm:                                                                                                 |                                                                               |                                                                        |
|-------------|-----------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
|             |                             |                       | Số lượng đơn vị<br>tăng, giảm so với<br>năm trước    | Giảm chi NSNN do<br>sắp xếp ĐVHC so<br>với năm trước | Số lượng biên chế<br>tăng, giảm so với<br>năm trước | Giảm chi NSNN do<br>giảm biên chế so<br>với năm trước |                                          | Bổ sung vào nguồn<br>CCTL để thực hiện<br>chi trả tiền lương<br>tăng thêm do tăng<br>mức lương cơ sở | Bổ sung vào nguồn<br>chi trả các chính<br>sách ASXH do địa<br>phương ban hành | Tăng chi cho các<br>nhiệm vụ tăng<br>cường cơ sở vật<br>chất tương ứng |
| A           | B                           | I=3+5                 | 2                                                    | 3                                                    | 4                                                   | 5                                                     | 6=7+8+9                                  | 7                                                                                                    | 8                                                                             | 9                                                                      |
| 1           | Thực hiện năm 2016          |                       |                                                      |                                                      |                                                     |                                                       |                                          |                                                                                                      |                                                                               |                                                                        |
| 2           | Thực hiện năm 2017          |                       |                                                      |                                                      |                                                     |                                                       |                                          |                                                                                                      |                                                                               |                                                                        |
| 3           | Thực hiện năm 2018          |                       |                                                      |                                                      |                                                     |                                                       |                                          |                                                                                                      |                                                                               |                                                                        |
| 4           | Đánh giá thực hiện năm 2019 |                       |                                                      |                                                      |                                                     |                                                       |                                          |                                                                                                      |                                                                               |                                                                        |
| 5           | Dự toán năm 2020            |                       |                                                      |                                                      |                                                     |                                                       |                                          |                                                                                                      |                                                                               |                                                                        |
| ....        | ...                         |                       |                                                      |                                                      |                                                     |                                                       |                                          |                                                                                                      |                                                                               |                                                                        |

**Ghi chú:** (Cột 3) Kinh phí thực tế địa phương giảm chi NSNN do sắp xếp đơn vị hành chính.

(Cột 5) Gồm: (i) Giảm chi tiền lương (số lượng biên chế giảm x với hệ số lương ngạch bậc, phụ cấp x thời gian thực tế tinh giản); (ii) giảm chi hoạt động (số lượng biên chế giảm x với định mức hoạt động/biên chế x thời gian thực tế tinh giản).

Số liệu về thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, tăng nguồn thu sự nghiệp, giảm chi NSNN do thực hiện tinh giản biên chế và nâng mức độ tự chủ của Đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương

Thực hiện năm 2016, 2017, 2018, đánh giá thực hiện năm 2019 và Dự toán 2020

(Kèm theo công văn số 14478/BTC-NSNN ngày 28/11/2019 của Bộ Tài chính)

| S<br>T<br>T | Loại hình đơn vị sự nghiệp công lập                                 | Giảm chi do tinh giản biên chế và nâng mức độ tự chủ |                                   |                                                 | Trong đó theo các lĩnh vực (*):            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 | Kết quả sử dụng phần NSNN giảm chi (triệu đồng) | Gồm:                                                                                     |                                                                      |                                                               |
|-------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
|             |                                                                     |                                                      |                                   |                                                 | 1. Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo            |                                   |                                                 | 2. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp           |                                   |                                                 | 3. Lĩnh vực Y tế                           |                                   |                                                 | 4. Lĩnh vực ...                            |                                   |                                                 |                                                 | Bổ sung vào nguồn CCTT để thực hiện chi trả tiền lương tăng thêm do tăng mức lương cơ sở | Bổ sung vào nguồn chi trả các chính sách BHXH do địa phương ban hành | Tăng chi cho các nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất tương ứng |
|             |                                                                     | Số đơn vị thay đổi cơ chế loại hình tự chủ           | Số biên chế giảm so với năm trước | Giảm Chi NSNN cấp so với năm trước (triệu đồng) | Số đơn vị thay đổi cơ chế loại hình tự chủ | Số biên chế giảm so với năm trước | Giảm Chi NSNN cấp so với năm trước (triệu đồng) | Số đơn vị thay đổi cơ chế loại hình tự chủ | Số biên chế giảm so với năm trước | Giảm Chi NSNN cấp so với năm trước (triệu đồng) | Số đơn vị thay đổi cơ chế loại hình tự chủ | Số biên chế giảm so với năm trước | Giảm Chi NSNN cấp so với năm trước (triệu đồng) | Số đơn vị thay đổi cơ chế loại hình tự chủ | Số biên chế giảm so với năm trước | Giảm Chi NSNN cấp so với năm trước (triệu đồng) |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| A           | B                                                                   | 1                                                    | 2                                 |                                                 | 3                                          | 4                                 |                                                 | 5                                          | 6                                 |                                                 | 7                                          | 8                                 |                                                 | 9                                          | 10                                |                                                 | 18=19+20+21                                     | 19                                                                                       | 20                                                                   | 21                                                            |
| I           | Thực hiện năm 2016                                                  |                                                      |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| 1           | Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên và chi đầu tư  |                                                      |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| 2           | Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên                |                                                      |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| 3           | Đơn vị tự bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên               |                                                      |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| 4           | Đơn vị sự nghiệp do NSNN bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên |                                                      |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| II          | Thực hiện năm 2017                                                  |                                                      |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| ...         | ...                                                                 |                                                      |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| II          | Thực hiện năm 2018                                                  |                                                      |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| ...         | ...                                                                 |                                                      |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| II          | Đánh giá thực hiện năm 2019                                         |                                                      |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| ...         | ...                                                                 |                                                      |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| IV          | Dự toán năm 2020                                                    |                                                      |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| ...         | ...                                                                 |                                                      |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                            |                                   |                                                 |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |

Ghi chú: Số giảm chi NSNN cấp so với năm trước = Kinh phí NSNN cấp năm hiện hành trừ đi (-) Kinh phí NSNN cấp năm trước - Kinh phí tăng lương cơ sở (nếu có)

(\*) Các lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương, gồm: (1) giáo dục - đào tạo; (2) giáo dục nghề nghiệp; (3) y tế; (4) khoa học và công nghệ; (5) văn hoá, thể dục, thể thao; (6) thông tin và truyền thông; (7) sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác; (8) việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương

**Số liệu giám chi NSNN do thực hiện sắp xếp bộ máy của Đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương**

**Thực hiện năm 2016, 2017, 2018, đánh giá thực hiện năm 2019 và Dự toán 2020**

*(Kèm theo công văn số 14478/BTC-NSNN ngày 28/11/2019 của Bộ Tài chính)*

| S<br>T<br>T | Lĩnh vực sự nghiệp công lập (*)                                                                                        | Giám chi do thay đổi sắp xếp bộ máy    |                                   |                                             | Trong đó:          |                                   |                                                 |                    |                  |                                             |                                                          |                  |                                             | Gồm:                                            |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------------------|--------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------|------------------|---------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
|             |                                                                                                                        |                                        |                                   |                                             | Số đơn vị sáp nhập |                                   |                                                 | Số đơn vị giải thể |                  |                                             | Số đơn vị chuyển đổi hoạt động theo mô hình doanh nghiệp |                  |                                             | Kết quả sử dụng phần NSNN giám chi (triệu đồng) | Bổ sung vào nguồn CCTL để thực hiện chi trả tiền lương tăng thêm do tăng mức lương cơ sở | Bổ sung vào nguồn chi trả các chính sách BHXH do địa phương ban hành | Tăng chi cho các nhiệm vụ tăng cường cơ sở vật chất tương ứng |
|             |                                                                                                                        | Tổng số đơn vị thay đổi sắp xếp bộ máy | Số biên chế giám so với năm trước | Giám Chi NSNN so với năm trước (triệu đồng) | Số đơn vị          | Số biên chế giám so với năm trước | Giám Chi NSNN cấp so với năm trước (triệu đồng) | Số đơn vị          | Số biên chế giám | Giám Chi NSNN so với năm trước (triệu đồng) | Số đơn vị                                                | Số biên chế giám | Giám Chi NSNN so với năm trước (triệu đồng) |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| A           | B                                                                                                                      | 1=4+7+10                               | 2=5+8+11                          | 3=6+9+12                                    | 4                  | 5                                 | 6                                               | 7                  | 8                | 9                                           | 10                                                       | 11               | 12                                          | 13=14+15+16                                     | 14                                                                                       | 15                                                                   | 16                                                            |
| I           | Thực hiện năm 2016                                                                                                     |                                        |                                   |                                             |                    |                                   |                                                 |                    |                  |                                             |                                                          |                  |                                             |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| 1           | Lĩnh vực giáo dục và đào tạo                                                                                           |                                        |                                   |                                             |                    |                                   |                                                 |                    |                  |                                             |                                                          |                  |                                             |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| 2           | Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp                                                                                          |                                        |                                   |                                             |                    |                                   |                                                 |                    |                  |                                             |                                                          |                  |                                             |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| 3           | Lĩnh vực y tế                                                                                                          |                                        |                                   |                                             |                    |                                   |                                                 |                    |                  |                                             |                                                          |                  |                                             |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| 4           | Lĩnh vực thông tin, truyền thông và báo chí                                                                            |                                        |                                   |                                             |                    |                                   |                                                 |                    |                  |                                             |                                                          |                  |                                             |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| 5           | Lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, thể thao và DL                                                                             |                                        |                                   |                                             |                    |                                   |                                                 |                    |                  |                                             |                                                          |                  |                                             |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| 6           | Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác                                                                           |                                        |                                   |                                             |                    |                                   |                                                 |                    |                  |                                             |                                                          |                  |                                             |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| 7           | Lĩnh vực khoa học và công nghệ                                                                                         |                                        |                                   |                                             |                    |                                   |                                                 |                    |                  |                                             |                                                          |                  |                                             |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| 8           | Việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương |                                        |                                   |                                             |                    |                                   |                                                 |                    |                  |                                             |                                                          |                  |                                             |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| II          | Thực hiện năm 2017                                                                                                     |                                        |                                   |                                             |                    |                                   |                                                 |                    |                  |                                             |                                                          |                  |                                             |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| ...         | ...                                                                                                                    |                                        |                                   |                                             |                    |                                   |                                                 |                    |                  |                                             |                                                          |                  |                                             |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| III         | Thực hiện năm 2018                                                                                                     |                                        |                                   |                                             |                    |                                   |                                                 |                    |                  |                                             |                                                          |                  |                                             |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| ...         | ...                                                                                                                    |                                        |                                   |                                             |                    |                                   |                                                 |                    |                  |                                             |                                                          |                  |                                             |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| III         | Đánh giá thực hiện năm 2019                                                                                            |                                        |                                   |                                             |                    |                                   |                                                 |                    |                  |                                             |                                                          |                  |                                             |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| ...         | ...                                                                                                                    |                                        |                                   |                                             |                    |                                   |                                                 |                    |                  |                                             |                                                          |                  |                                             |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| IV          | Dự toán năm 2020                                                                                                       |                                        |                                   |                                             |                    |                                   |                                                 |                    |                  |                                             |                                                          |                  |                                             |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |
| ...         | ...                                                                                                                    |                                        |                                   |                                             |                    |                                   |                                                 |                    |                  |                                             |                                                          |                  |                                             |                                                 |                                                                                          |                                                                      |                                                               |

Ghi chú: (1) Đối với ĐVSNCI sáp nhập: Số giám chi NSNN = kinh phí NSNN cấp cho ĐVSNCI sau khi sáp nhập trừ đi (-) kinh phí NSNN cấp cho các ĐVSNCI trước khi sáp nhập

(2) Đối với ĐVSNCI chuyển đổi hoạt động theo mô hình doanh nghiệp: Số giám chi NSNN = kinh phí NSNN cấp cho ĐVSNCI trước khi chuyển đổi mô hình trừ đi (-) kinh phí NSNN cấp cho công ty sau khi chuyển đổi.

(3) Đối với ĐVSNCI giải thể: Số giám chi NSNN = số kinh phí NSNN đã cấp trước khi giải thể

(\*) Các lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương, gồm: (1) giáo dục - đào tạo; (2) giáo dục nghề nghiệp; (3) y tế; (4) khoa học và công nghệ; (5) văn hóa, thể dục, thể thao; (6) thông tin và truyền thông; (7) sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác; (8) việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương



Thực hiện năm 2016, 2017, 2018

(Kèm theo công văn số 14478/BTC-NSNN ngày 28/11/2019 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

BÁO CÁO TỔNG HỢP VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐỔI MỚI CƠ CHẾ TỰ CHỦ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Thực hiện năm ..... / Đánh giá thực hiện năm 2019 / Dự kiến năm 2020

(Kèm theo công văn số 14478/BTC-NSNN ngày 28/11/2019 của Bộ Tài chính)

| TT      | Sự nghiệp (*)                                                                                                          | Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập | Trong đó | Số lượng lao động                         |                        |                                | Nguồn tài chính (triệu đồng)                    |           |         |                       |                                  |                                        | Huy động vốn (triệu đồng) |         |                                  |                                  |                                         | Tổng kinh phí chi trả Thu nhập tăng thêm (triệu đồng) | Trích lập các Quỹ (triệu đồng)   |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------|-------------------------------------------|------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------|-----------|---------|-----------------------|----------------------------------|----------------------------------------|---------------------------|---------|----------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------|--------------------------|-------------------------------|---------------------------|-------------------|------------------------|--------------------|
|         |                                                                                                                        |                                   |          | Số lượng ĐVSN được giao tự chủ theo ND 43 | Tổng số người lao động | Trong đó số biên chế được giao | Tổng quỹ lương, ngạch bậc, chức vụ (triệu đồng) | Tổng cộng | Tổng số | Nguồn thu sự nghiệp   |                                  | Nguồn NSNN cấp chỉ hoạt động sự nghiệp |                           | Tổng số | Vốn tín dụng ưu đãi của nhà nước | Vốn vay của các tổ chức tín dụng | Huy động vốn của viện chức trong đơn vị |                                                       | Vốn liên kết với các đơn vị khác | Quỹ phát triển sự nghiệp | Quỹ dự phòng ổn định thu nhập | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | Quỹ khác (nếu có) |                        |                    |
|         |                                                                                                                        |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         | Nguồn thu phi, lệ phí | Nguồn thu dịch vụ sự nghiệp khác | Tổng số                                | Chi thường xuyên          |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   | Chi không thường xuyên |                    |
|         |                                                                                                                        |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        | Tổng                      |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        | Trong đó Chi lương |
| A       | B                                                                                                                      | 1                                 | 1a       | 2                                         | 3                      | 4                              | 5=6+9                                           | 6=7+8     | 7       | 8                     | 9=10+12                          | 10                                     | 11                        | 12      | 13=14+15+16+17                   | 14                               | 15                                      | 16                                                    | 17                               | 18                       | 19=20+21+22+23                | 20                        | 21                | 22                     | 23                 |
| TỔNG SỐ |                                                                                                                        |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| I       | Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên và chi đầu tư                                                     |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| 1       | Lĩnh vực giáo dục và đào tạo                                                                                           |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| 2       | Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp                                                                                          |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| 3       | Lĩnh vực y tế                                                                                                          |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| 4       | Lĩnh vực thông tin, truyền thông và báo chí                                                                            |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| 5       | Lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch                                                                        |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| 6       | Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác                                                                           |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| 7       | Lĩnh vực khoa học và công nghệ                                                                                         |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| 8       | Việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| II      | Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên                                                                   |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| 1       | Lĩnh vực giáo dục và đào tạo                                                                                           |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| 2       | Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp                                                                                          |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| 3       | Lĩnh vực y tế                                                                                                          |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| 4       | Lĩnh vực thông tin, truyền thông và báo chí                                                                            |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| 5       | Lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch                                                                        |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| 6       | Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác                                                                           |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| 7       | Lĩnh vực khoa học và công nghệ                                                                                         |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| 8       | Việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| III     | Đơn vị tự bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên                                                                  |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| 1       | Lĩnh vực giáo dục và đào tạo                                                                                           |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| 2       | Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp                                                                                          |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| ...     | Lĩnh vực                                                                                                               |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| IV      | Đơn vị sự nghiệp do NSNN bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên                                                    |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| 1       | Lĩnh vực giáo dục và đào tạo                                                                                           |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| 2       | Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp                                                                                          |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |
| ...     | Lĩnh vực                                                                                                               |                                   |          |                                           |                        |                                |                                                 |           |         |                       |                                  |                                        |                           |         |                                  |                                  |                                         |                                                       |                                  |                          |                               |                           |                   |                        |                    |

\*Lưu ý: Mỗi năm báo cáo là một Biểu, số liệu báo cáo đơn vị SNCL của địa phương quản lý (bao gồm cấp tỉnh và cấp huyện)

(\*) Các lĩnh vực theo quy định tại Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương, gồm: (1) giáo dục - đào tạo, (2) giáo dục nghề nghiệp, (3) y tế, (4) khoa học và công nghệ, (5) văn hoá, thể dục, thể thao, (6) thông tin và truyền thông, (7) sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác, (8) việc hợp nhất các cơ sở đào tạo về lý luận chính trị của Đảng với các cơ sở đào tạo về quản lý hành chính ở địa phương